TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 06/02/2023.
V/v Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Đình Thái, bà Hoàng Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Lâm Tới - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyệnYên Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Bà Phạm Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2022/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXX - HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L - Sinh năm 1982. Địa chỉ: Bản P, xã L, huyện Y, tỉnh Sơn La, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn V - Sinh năm 1977. Địa chỉ: Bản P, xã L, huyện Y, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Là trình bày:

Từ năm 1998 chị Là và anh Đỗ Văn V có tìm hiểu yêu thương nhau và đi đến kết hôn, việc kết hôn của hai anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Lóng Phiêng, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La năm 1998 nhưng do chưa đủ tuổi nên UBND xã không đăng ký kết hôn cho vợ chồng anh chị. Sau khi kết hôn anh chị ra ở riêng cho đến nay, cuộc sống chung vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không

được cải thiện. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa. Nên chị Là làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đỗ Văn V.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có với nhau 03 con chung là Đỗ Thị X, sinh năm 1999, Đỗ Thị Mai A, sinh năm 2002, Đỗ Duy Đ, sinh 17 tháng 02 năm 2007. Hiện nay các cháu Đỗ Thị X, sinh năm 1999, Đỗ Thị Mai A, sinh năm 2002 đã trưởng thành, nên chị Là không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với cháu Đỗ Duy Đ, nếu ly hôn nguyện vọng của chị Là xin được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Đức đến tuổi trưởng thành. Không yêu cầu anh Việt cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Là xin tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn anh Đỗ Văn V trình bày.

Anh Việt hoàn toàn nhất trí như ý kiến trình bày của chị Là về quá trình tìm hiểu, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng, thời gian và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng. Anh Việt cho rằng việc phát sinh mâu thuẫn là do không hiểu nhau, liên tục cãi nhau và không tìm được tiếng nói chung, thống nhất trong gia đình. Chị Là làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, bản thân anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, và còn con cái, cần có thời gian chăm sóc con cái, nên chưa nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có với nhau 03 con chung là Đỗ Thị X, sinh năm 1999, Đỗ Thị Mai A, sinh năm 2002, Đỗ Duy Đ, sinh 17 tháng 02 năm 2007. Hiện nay các cháu Đỗ Thị X, sinh năm 1999, Đỗ Thị Mai A, sinh năm 2002 đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đối với cháu Đỗ Duy Đ, nếu ly hôn nguyện vọng của anh Là xin được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Đức đến tuổi trưởng thành. Không yêu cầu chị Là cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã yêu cầu các bên đương sự cung cấp Giấy chứng nhận kết hôn, chị Là có cung cấp cho Tòa án 01 Giấy chứng nhận kết hôn đề ngày 15/02/1998 tuy nhiên tại phần ký xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, cụ thể là của UBND xã Lóng Phiêng, huyện Yên Châu không có chữ ký, đóng dấu xác nhận của UBND xã Lóng Phiêng.

Tại biên bản xác minh ngày 27 tháng 12 năm 2022 đối với UBND xã Lóng Phiêng, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La về tình trạng hôn nhân của Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn V. Ủy ban nhân dân xã Lóng Phiêng, đại diện là tư pháp hộ tịch xã cho biết: Từ năm 1999 trở về trước tại xã không lưu giữ sổ đăng ký kết hôn, nên xã không khẳng định được là Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn V có đăng ký kết hôn hoặc không có đăng ký kết hôn hay không vì lý do hiện nay xã không còn lưu giữ sổ sách đăng ký kết hôn. Từ năm 1999 đến nay xã có lưu giữ sổ đăng ký kết hôn. Qua tra cứu tại sổ đăng ký kết hôn không có tên Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn V trong sổ đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu phát biểu ý kiến như sau: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Căn cứ các Điều 9,14,16, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Xử Không công nhận Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn V là vợ chồng.

- Về con chung: Các cháu Đỗ Thị X và cháu Đỗ Thị Mai A đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu Đỗ Duy Đ cho Chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Duy Đ đến tuổi trưởng thành. Anh Đỗ Văn V không phải cấp dưỡng nuôi cháu Đỗ Duy Đ.

- Về tài sản chung: Đã tự thỏa thuận phân chia và không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn V, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện, Chị Nguyễn Thị L đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Anh Đỗ Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ rất nhiều lần nhưng cố tình không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, tuy nhiên do không biết chữ nên đã được Tòa án tiến hành ghi lời khai đối với anh Việt và anh Việt đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tổ tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn, biên bản ghi lời khai của Tòa án đối với bị đơn và qua xác minh trên thực tế Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn V chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, có tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán, không có đăng ký kết hôn. Việc Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn V không thực hiện các quy định của pháp luật khi chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan chức năng có thẩm quyền là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình. Trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu giải quyết ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy xét đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn của Chị Nguyễn Thị L đối với anh Đỗ Văn V là có cơ sở. Hội đồng xét xử quyết định không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn V để hai người sớm ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Về con chung: anh chị có 03 con chung là Đỗ Thị X, sinh năm 1999, Đỗ Thị Mai A, sinh năm 2002. Hiện nay các cháu đã trưởng thành. nên không phải giải quyết. Đối với cháu Đỗ Duy Đ, sinh ngày 17 tháng 02 năm 2007 cả chị Là, anh Việt đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành. Tuy nhiên nguyện vọng của cháu Đỗ Duy Đ là được ở với mẹ là Chị Nguyễn Thị L, nên cần giao cháu Đỗ Duy Đ cho Chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh Đỗ Văn V chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Là không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết chị Là, anh Việt đã tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết về tài sản. Xét đề nghị của Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn V là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung.

[6] Về nợ chung: Chị Là, anh Việt đều xác định không có nợ chung.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 16, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, 266, 271,273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị L, tuyên bố không công nhận Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn V là vợ chồng.

2. Về con chung: 03 con chung là Đỗ Thị X, sinh năm 1999, Đỗ Thị Mai A, sinh năm 2002. Hiện nay các cháu đã trưởng thành. nên không phải giải quyết. Giao cháu Đỗ Duy Đ, sinh ngày 17 tháng 02 năm 2007 cho Chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh Đỗ Văn V chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Đỗ Duy Đ do chị Là không yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Chị Là, anh Việt tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết về tài sản.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Đỗ Văn V xác định không có nợ chung.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0001068 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kết từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- V KS nhân dân huyện Yên Châu;
- Chi cục THADS huyện Yên Châu;
- UBND xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Triệu Văn Quang